Chi tiết mã HS 0303.99.00

Mã HS	0303.99.00
Mô tả hàng hóa	Cá, đông lạnh, trừ phi-lê cá (fillets) và các loại thịt cá khác thuộc nhóm 03.04 / - Gan, sẹ và bọc trứng cá, vây, đầu, đuôi, bong bóng và các phụ phẩm ăn được sau giết mổ khác của cá: / - - Loại khác
Đơn vị	kg
Thời điểm tạo	04/11/2026 11:22:34
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/03039900/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	15	15%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K438
Thuế NK ưu đãi (MFN)	10	10%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N438
Thuế GTGT (VAT)	*/5/8/10	* / 5 / 8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q438
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-05-31	BT2026!CJ438
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0(-MY)	0% (trừ MY)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VNCU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2023 - 2027	VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	2	2%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	3	3%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0/0	0 / 0 (nhiều mức)	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Cần diễn giải
UKVFTA	0/0	0 / 0 (nhiều mức)	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Cần diễn giải
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VIFTA	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E432
ATIGA	2022	2022	0	AT!E433
ATIGA	2023	2023	0	AT!F433
ATIGA	2024	2024	0	AT!G433
ATIGA	2025	2025	0	AT!H433
ATIGA	2026	2026	0	AT!I433
ATIGA	2027	2027	0	AT!J433
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	2	AJ!E435
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F435
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G435

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H435
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I435
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J435
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	4	VJ!E435
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	2	VJ!F435
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G435
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H435
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I435
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J435
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F433
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H432
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F435
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G435
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H435
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I435
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J435
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K435
VKFTA	2022	2022	0	VK!E433
VKFTA	2023	2023	0	VK!F433
VKFTA	2024	2024	0	VK!G433
VKFTA	2025	2025	0	VK!H433
VKFTA	2026	2026	0	VK!I433
VKFTA	2027	2027	0	VK!J433
VCFTA	2022	2022	10	VC!D434
VCFTA	2023	2023	9	VC!E434
VCFTA	2024	2024	3	VC!F434

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2025	2025	3	VC!G434
VCFTA	2026	2026	3	VC!H434
VCFTA	2027	2027	3	VC!I434
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D437
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E437
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F437
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G437
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H437
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I437
VNCU	2022	2022	0	VNCU!D40
VNCU	2023 - 2027		0	VNCU!E40
AHKFTA	2022	2022	7	AKH!D434
AHKFTA	2023	2023	5	AKH!E434
AHKFTA	2024	2024	5	AKH!F434
AHKFTA	2025	2025	2	AKH!G434
AHKFTA	2026	2026	2	AKH!H434
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I434
EVFTA	2022	2022		EV-NK!432
EVFTA	2023	2023		EV-NK!432
EVFTA	2024	2024		EV-NK!432
EVFTA	2025	2025		EV-NK!432
EVFTA	2026	2026		EV-NK!432
EVFTA	2027	2027		EV-NK!432
UKVFTA	2022	2022		UKV!434
UKVFTA	2023	2023		UKV!434
UKVFTA	2024	2024		UKV!434

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2025	2025		UKV!434
UKVFTA	2026	2026		UKV!434
UKVFTA	2027	2027		UKV!434
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D434
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E434
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F434
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G434
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H434
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I434
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J434
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D433
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E433
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F433
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G433
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H433
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I433
RCEP B	2022	2022	0	B!D433
RCEP B	2023	2023	0	B!E433
RCEP B	2024	2024	0	B!F433
RCEP B	2025	2025	0	B!G433
RCEP B	2026	2026	0	B!H433
RCEP B	2027	2027	0	B!I433
RCEP C	2022	2022	0	C!D433
RCEP C	2023	2023	0	C!E433
RCEP C	2024	2024	0	C!F433
RCEP C	2025	2025	0	C!G433

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2026	2026	0	C!H433
RCEP C	2027	2027	0	C!I433
RCEP D	2022	2022	0	D!D433
RCEP D	2023	2023	0	D!E433
RCEP D	2024	2024	0	D!F433
RCEP D	2025	2025	0	D!G433
RCEP D	2026	2026	0	D!H433
RCEP D	2027	2027	0	D!I433
RCEP E	2022	2022	0	E!D433
RCEP E	2023	2023	0	E!E433
RCEP E	2024	2024	0	E!F433
RCEP E	2025	2025	0	E!G433
RCEP E	2026	2026	0	E!H433
RCEP E	2027	2027	0	E!I433
RCEP F	2022	2022	0	F!D433
RCEP F	2023	2023	0	F!E433
RCEP F	2024	2024	0	F!F433
RCEP F	2025	2025	0	F!G433
RCEP F	2026	2026	0	F!H433
RCEP F	2027	2027	0	F!I433
VIFTA	2024	2024	*	VI!F415
VIFTA	2025	2025	*	VI!G415
VIFTA	2026	2026	*	VI!H415
VIFTA	2027	2027	*	VI!I415

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
DOC-003	YELLOW	Kiểm dịch	Chính sách mặt hàng: Động vật, sản phẩm động vật thủy sản phải kiểm dịch (01/2024/TT-BNNPTNT M5)		01/2024/TT-BNNPTNT	Đăng ký kiểm dịch động/thực vật theo quy định.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	HH là mẫu vật động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và động vật thuộc các phụ lụcCITES (17/2023/TT-BNNPTNT)		17/2023/TT-BNNPTNT	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “*/5/8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 0303.99.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 10% của mã 0303.99.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N438), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
HH là mẫu vật động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và động vật thuộc các phụ lụcCITES (17/2023/TT-BNNPTNT)
Động vật, sản phẩm động vật thủy sản phải kiểm dịch (01/2024/TT-BNNPTNT M5)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.